

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2019 của Ủy ban sông Mê Việt Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN SÔNG MÊ CÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBMC ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban sông Mê Công Việt Nam ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 936/TB-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban sông Mê Công Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 của Ủy ban sông Mê Công Việt Nam (chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2: Chánh Văn phòng Ủy ban sông Mê Công Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch Ủy ban (để báo cáo);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Các Vụ: TCHCSN; NSNN (Bộ TC);
- Lưu: VT, KHTC, CV



**TUO. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN**

**THỨ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Lê Công Thành**



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 16/QĐ-UBMC ngày 04/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban sông Mê Công Việt Nam)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (Văn phòng Thường trực UBSMCVN)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	38.517.849.728	38.517.849.728	0	38.517.849.728
1	Chi quản lý hành chính	24.123.871.848	24.123.871.848	0	24.123.871.848
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	317.560.413	317.560.413	0	317.560.413
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	23.806.311.435	23.806.311.435	0	23.806.311.435
2	Chi hoạt động kinh tế	14.393.977.880	14.393.977.880	0	14.393.977.880
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.393.977.880	14.393.977.880	0	14.393.977.880

[Handwritten signature]